

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

CHÍNH THỨC

29 - 7 - 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 30/6/2015

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

TP Hồ Chí Minh, tháng 7 - 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

NỘI DUNG

| | Trang |
|---|--------------|
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ | 03 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ | 07 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ | 09 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ | 11 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015***MẪU SỐ B01a-DN/HN***Đơn vị tính : VND*

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | HỢP NHẤT | |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A-TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 16.603.153.127.894 | 15.457.989.802.876 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | VI.1 | 1.854.221.704.170 | 1.527.875.428.216 |
| 1. Tiền | 111 | | 563.457.704.170 | 993.333.794.600 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1.290.764.000.000 | 534.541.633.616 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | VI.6 | 7.856.878.780.812 | 7.469.006.501.322 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 676.733.617.318 | 704.814.872.722 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | | (126.482.836.506) | (139.208.371.400) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 129 | | 7.306.628.000.000 | 6.903.400.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 3.033.862.672.924 | 2.777.099.430.909 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | VI.2 | 2.362.130.859.829 | 1.988.614.362.323 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 279.648.900.195 | 420.615.080.215 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | VI.3(a) | 398.815.839.943 | 370.036.643.588 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | V.2 | (7.774.300.847) | (5.917.834.434) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | VI.4 | 1.041.373.804 | 3.751.179.217 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | VI.7 | 3.784.847.613.344 | 3.554.823.963.018 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 3.795.398.560.285 | 3.567.948.334.861 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | (10.550.946.941) | (13.124.371.843) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 73.342.356.644 | 129.184.479.411 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | VI.12(a) | 58.365.888.691 | 115.703.239.463 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 14.973.662.295 | 13.465.035.833 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | | 2.805.658 | 16.204.115 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B01a-DN/HN

Đơn vị tính : VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | HỢP NHẤT | |
|--|------------|--------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 10.620.508.562.705 | 10.312.148.258.081 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 22.808.870.369 | 21.965.907.697 |
| 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | 8.101.164.343 | 7.395.303.671 |
| 3. Phải thu dài hạn khác | 216 | VI.3(b) | 14.707.706.026 | 14.570.604.026 |
| 3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 8.011.367.202.666 | 8.086.395.812.459 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | VI.9 | 7.611.109.388.209 | 7.548.188.780.138 |
| - Nguyên giá | 222 | | 12.383.742.381.612 | 11.782.649.084.362 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (4.772.632.993.403) | (4.234.460.304.224) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | VI.10 | 400.257.814.457 | 538.207.032.321 |
| - Nguyên giá | 228 | | 523.429.765.927 | 691.495.740.057 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (123.171.951.470) | (153.288.707.736) |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | VI.11 | 145.083.675.523 | 147.725.868.615 |
| - Nguyên giá | 241 | | 179.678.050.557 | 179.594.679.077 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 242 | | (34.594.375.034) | (31.868.810.462) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 919.667.884.742 | 868.971.492.694 |
| 1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn | 241 | | 75.877.366.990 | 65.283.282.436 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | VI.8 | 843.790.517.752 | 803.688.210.258 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | VI.6 | 704.211.667.763 | 692.083.817.719 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 336.761.486.409 | 317.972.437.657 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 25.722.035.352 | 32.372.670.663 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | (4.867.853.998) | (4.857.290.601) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 346.596.000.000 | 346.596.000.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 665.843.284.286 | 334.298.419.243 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | VI.12(b) | 423.014.863.803 | 183.505.250.834 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | 242.828.420.483 | 150.793.168.409 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| VI. Lợi thế thương mại | | | 151.525.977.356 | 160.706.939.654 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100 + 200) | 270 | | 27.223.661.690.599 | 25.770.138.060.957 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B01a-DN/HN

Đơn vị tính : VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | HỢP NHẤT | |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A- NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 5.951.379.727.175 | 5.969.901.577.449 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 5.431.901.592.093 | 5.453.280.356.023 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | VI.13 | 1.654.335.599.073 | 1.898.529.392.924 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 22.762.414.626 | 17.826.386.435 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | VI.15 | 645.891.205.348 | 502.643.076.304 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 122.357.599.442 | 163.476.907.176 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | VI.16 | 1.167.002.326.130 | 632.991.337.019 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | VI.17 | 1.695.863.621 | 17.424.992 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | VI.18(a) | 622.026.720.944 | 598.428.618.781 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | VI.14 | 872.896.438.045 | 1.279.525.014.840 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | VI.19(a) | 7.939.522.975 | 4.122.882.763 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 314.993.901.889 | 355.719.314.789 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 519.478.135.082 | 516.621.221.426 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | VI.18(b) | 6.980.301.574 | 8.192.561.774 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | VI.14 | 338.754.261.458 | 346.383.586.552 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | 86.376.975.300 | 84.711.303.600 |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | VI.19(b) | 87.366.596.750 | 77.333.769.500 |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B01a-DN/HN

Đơn vị tính : VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | HỢP NHẤT | |
|--|------------|--------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| B- VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | VI.20 | 21.272.281.963.424 | 19.800.236.483.508 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 21.272.281.963.424 | 19.800.236.483.508 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 10.006.413.990.000 | 10.006.413.990.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 10.006.413.990.000 | 10.006.413.990.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | (5.388.109.959) | (5.388.109.959) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 2.819.005.174 | (161.099.075) |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 2.887.837.119.930 | 2.521.718.366.944 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 8.167.252.378.968 | 7.157.699.467.945 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 5.157.462.259.945 | 6.149.811.983.770 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 3.009.790.119.023 | 1.007.887.484.175 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 213.347.579.311 | 119.953.867.653 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300 + 400) | 440 | | 27.223.661.690.599 | 25.770.138.060.957 |

Người lập

Kế toán trưởng


Giám đốc điều hành
Tài chính

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2015,



Lông Giám đốc


Nguyễn Đức Diệu Thơ


Lê Thành Liêm


Ngô Thị Thu Trang


Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Quý II và lũy kế 6 tháng đầu năm 2015***MẪU SỐ B02a-DN/HN***Đơn vị tính : VNĐ*

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý II | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|---|-----------|--------------|----------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | VII.1 | 10.520.023.895.689 | 9.289.158.966.819 | 19.291.362.403.738 | 17.011.424.978.482 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 3 | VII.1 | (19.913.258.409) | (32.026.297.535) | (75.215.852.890) | (53.489.959.353) |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 03) | 10 | VII.1 | 10.500.110.637.280 | 9.257.132.669.284 | 19.216.146.550.848 | 16.957.935.019.129 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VII.2 | (6.113.114.652.804) | (6.347.753.984.935) | (11.720.178.589.382) | (11.625.893.372.651) |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 + 11) | 20 | | 4.386.995.984.476 | 2.909.378.684.349 | 7.495.967.961.466 | 5.332.041.646.478 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VII.3 | 173.798.877.003 | 132.596.919.103 | 317.752.893.130 | 260.197.229.206 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VII.4 | (22.021.396.187) | (30.036.221.972) | (50.419.798.058) | (38.921.202.828) |
| <i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i> | 23 | | (6.783.629.838) | (12.363.835.398) | (14.915.150.212) | (23.035.158.155) |
| 8. Phần lãi / (lỗ) trong liên doanh | 24 | | 24.361.937.174 | 20.342.364.897 | 18.789.048.752 | 31.224.812.106 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VII.7 | (1.687.220.323.247) | (877.806.929.227) | (2.837.656.326.234) | (1.534.329.551.444) |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VII.7 | (254.796.162.804) | (203.140.968.830) | (456.716.336.575) | (373.830.088.034) |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21+22) + 24 + (25+26)} | 30 | | 2.621.118.916.415 | 1.951.333.848.320 | 4.487.717.442.481 | 3.676.382.845.484 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý II | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|---|-----------|--------------|--------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VII.5 | 18.676.238.132 | 50.266.875.786 | 89.277.366.014 | 73.932.945.556 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VII.6 | (17.310.439.591) | (31.630.383.828) | (49.444.442.947) | (36.990.034.423) |
| 14. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32) | 40 | | 1.365.798.541 | 18.636.491.958 | 39.832.923.067 | 36.942.911.133 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 2.622.484.714.956 | 1.969.970.340.278 | 4.527.550.365.548 | 3.713.325.756.617 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | (517.885.257.551) | (439.313.895.004) | (873.175.566.641) | (786.610.878.654) |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 81.622.565.231 | 45.913.409.285 | 92.035.252.074 | 44.102.544.455 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52) | 60 | | 2.186.222.022.636 | 1.576.569.854.559 | 3.746.410.050.981 | 2.970.817.422.418 |
| Phân bổ cho : | | | | | | |
| <i>Cổ đông thiểu số</i> | | | 1.051.271.882 | 1.134.105.039 | 4.382.425.988 | 8.000.035.634 |
| <i>Cổ đông của Công ty mẹ</i> | | | 2.185.170.750.754 | 1.575.435.749.520 | 3.742.027.624.993 | 2.962.817.386.784 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | VII.8 | 1.973 | 1.440 | 3.376 | 2.673 |

Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm

Giám đốc điều hành Tài chính



Ngô Thị Thu Trang



Ngày 29 tháng 7 năm 2015.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

QUẬN 7 - T.P HỒ CHÍ MINH



Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Lũy kế 6 tháng đầu năm 2015****MẪU SỐ B03a-DN/HN***Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|-----------|-------------|--------------------------|----------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 1 | | 4.527.550.365.548 | 3.713.325.756.617 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 538.102.582.931 | 508.581.202.613 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 2.620.096.117 | 4.490.383.932 |
| - (Lãi) / lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 1.733.882.329 | (4.245.680.474) |
| - (Lãi) / lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (289.379.482.920) | (264.102.216.516) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VII.4 | 14.915.150.212 | 23.035.158.155 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 8 | | 4.795.542.594.217 | 3.981.084.604.327 |
| - (Tăng) / giảm các khoản phải thu | 9 | | (100.951.358.388) | 441.499.446.121 |
| - (Tăng) / giảm hàng tồn kho | 10 | | (415.247.311.740) | (1.105.369.434.521) |
| - Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 332.777.001.534 | 380.958.850.091 |
| - (Tăng) / giảm chi phí trả trước | 12 | | 44.931.660.156 | 41.492.503.842 |
| - (Tăng) / Giảm chứng khoán kinh doanh | | | 24.092.084.906 | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (16.094.643.699) | (23.078.618.262) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | VI.15 | (767.514.002.773) | (689.618.423.732) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | - | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | (407.629.184.673) | (385.751.389.954) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 3.489.906.839.540 | 2.641.217.537.912 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (581.931.161.906) | (289.465.822.621) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 39.091.808.627 | 26.656.972.850 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (402.862.360.672) | (1.899.558.017.002) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (747.825.469) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 1.527.061.268 | 2.535.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 128.358.597.595 | 298.043.365.099 |
| 8. Sát nhập công ty con | 29 | | - | 86.515.208 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (815.816.055.088) | (1.862.449.811.935) |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|-----------|-------------|----------------------------|----------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông thiểu số | 31 | | 84.371.992.908 | 1.301.716.303 |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | (319.602.000) |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | VI.14 | 1.306.014.281.986 | 252.760.555.160 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | VI.14 | (1.729.157.715.221) | (226.025.390.062) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (2.000.237.208.000) | (2.333.645.730.800) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (2.339.008.648.327) | (2.305.928.451.399) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | 50 | | 335.082.136.125 | (1.527.160.725.422) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 1.527.875.428.216 | 2.745.645.325.950 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (208.061.517) | 690.441.619 |
| Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài | | | (8.527.798.654) | 761.001.555 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61) | 70 | | 1.854.221.704.170 | 1.219.936.043.702 |

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2015,

| | | | |
|---|--|---|--|
| <p>Người lập</p>  <p>Nguyễn Đức Diệu Thơ</p> | <p>Kế toán trưởng</p>  <p>Lê Thành Liêm</p> | <p>Giám đốc điều hành Tài chính</p>  <p>Ngô Thị Thu Trang</p> | <p>Giám đốc</p>  <p>Mai Kiều Liên</p> |
|---|--|---|--|



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

(Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN :

1. Hình thức sở hữu vốn:

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) :

- + Ngày 29/04/1993: Công ty Sữa Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ theo loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước .
- + Ngày 01/10/2003: Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành một Công Ty Cổ Phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932.
- + Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006: Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.
- + Ngày 12/12/2006 : Công ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 4104000260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp.
- + Ngày 14/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 150400003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tuyên Quang cấp.
- + Ngày 26/02/2007: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 2603000521 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- + Ngày 24/06/2010 : Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên Sữa Lam Sơn.
- + Ngày 30/09/2010 : Công ty TNHH 1 Thành Viên Sữa Dielac được đăng ký thành lập dựa trên đăng ký lại từ Công ty TNHH Thực phẩm F&N Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 463041000209, do Ban quản lý Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore cấp.
- + Ngày 18/9/2012, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã ra quyết định số 2482/QĐ-CTS.KSNB/2012 về việc giải thể Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac để thành lập chi nhánh trực thuộc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Vào ngày 25 tháng 9 năm 2012, Ban Quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

KCN Việt Nam-Singapore cũng ra quyết định số 37/QĐ-BQL về việc chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac. Trong tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac đã hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

- + Ngày 21/10/2013 : Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801971744 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp
- + Ngày 06/12/2013, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 663/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Công ty Drifwood Dairy Holding Corporation tại Bang Carlifornia, Hoa Kỳ. Tại ngày 31/12/2013, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư 7.000.000,00 USD và nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu tại Công ty Drifwood Dairy Holding Corporation.
- + Ngày 06/01/2014, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 667/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Công ty TNHH Sữa Angkor tại Phnompenh, Campuchia với tỷ lệ 51%.
- + Ngày 30/5/2014, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 709//BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, để thành lập Vinamilk Europe sp.z.o.o tại Ba Lan do Vinamilk sở hữu 100% vốn.
- + Ngày 24/02/2014, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã ra nghị quyết giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế. Ngày 14 tháng 01 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 14191/15 giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, Tập đoàn được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu;
- c. Kinh doanh nhà;
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản;
- e. Kinh doanh kho, bến bãi;
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- g. Bốc xếp hàng hóa;
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở);

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

- i. Sản xuất và mua bán bao bì;
- j. In trên bao bì;
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở);
 - l. Phòng khám đa khoa;
 - m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt;
 - n. Dịch vụ sau thu hoạch;
 - o. Xử lý hạt giống để nhân giống.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

4. Cấu trúc Tập đoàn:

Tại thời điểm 30/6/2015, Tập đoàn có Công ty con, Liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

| + Công ty con | Hoạt động chính | Tỷ lệ góp vốn | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|---|---------------|------------------------|
| - Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn | Sản xuất sữa | 100% | 100% |
| - Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam | Chăn nuôi bò sữa | 100% | 100% |
| - Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa | Sản xuất sữa, chăn nuôi | 96,33% | 96,33% |
| - Công ty Cổ phần Sữa Driftwood | Sản xuất sữa | 70% | 70% |
| - Công ty TNHH Sữa Angkor | Sản xuất sữa | 51% | 51% |
| - Công ty Vinamilk Europe sp.z.o.o | Bán buôn nguyên liệu sữa, động vật sống | 100% | 100% |
| + Công ty liên kết: | | | |
| - Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn | Sản xuất nguyên liệu sữa | 15% | 15% |
| - Công ty TNHH Miraka | Sản xuất sữa | 19,29% | 19,29% |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

+ Đơn vị trực thuộc:

Các chi nhánh bán hàng:

- 1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.
- 2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Số 12 Chi Lăng, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- 3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Hùng Vương, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Các nhà máy sản xuất:

- 1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 3/ Nhà máy sữa Dielac- Khu Công nghiệp Biên hòa I, Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 5/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12,TP HCM.
- 6/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, Phường Nghi Thu, TX Cửa Lò, Nghệ An.
- 7/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định.
- 8/ Nhà máy nước giải khát Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.
- 9/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
- 10/ Nhà máy sữa Đà Nẵng – Khu Công nghiệp Hòa Khánh, TP Đà Nẵng.
- 11/ Nhà máy Sữa bột Việt Nam - 9 Đại lộ Tự Do – KCN Việt Nam-Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- 12/ Nhà máy Sữa Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.

Kho vận:

- 1/ Xí nghiệp Kho Vận Hồ Chí Minh - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Q Gia Lâm, Hà Nội.

Phòng khám:

- Phòng khám Đa khoa An Khang – 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, Q.3, TP.HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

- Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.
- Tập đoàn đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, Tập đoàn đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15 và thông tư 244 của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh VII.3), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

- Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
- Tập đoàn soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.
- Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế Toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VNĐ”), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn mực Kế toán, Nguyên tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.
- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:

Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

b. Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Tập đoàn đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau :
 - + Các khoản Vốn bằng tiền, Công nợ phải thu : Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập Báo cáo tài chính.
 - + Các khoản Công nợ phải trả : Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập Báo cáo tài chính.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính (theo thông tư 179/2012/TT-BTC).

c. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

| Thời điểm | Ngân hàng | Tỷ giá mua | Tỷ giá bán |
|------------|---|----------------|----------------|
| 31/12/2014 | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN.HCM | 21.360 VND/USD | Không áp dụng |
| 30/06/2015 | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN.HCM | 21.780 VND/USD | 21.840 VND/USD |

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- + Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
- + Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với sổ phụ hoặc bảng xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
- + Các khoản tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

- Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;
- Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:
 - + Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
 - + Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.
- Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

c. Các khoản cho vay

- Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

d. Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác:

- Bao gồm các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài.
 - **Công ty liên kết**
 - Công ty liên kết là tất cả các doanh nghiệp trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo hợp nhất. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.
 - Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.
 - Dự phòng tổn thất vào đơn vị khác (các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo) được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.
 - Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

5. Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu

- Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.
- Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:
 - + Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa Tập đoàn và người mua (là đơn vị độc

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

+ Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;

- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;

- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

- Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu – VAS 14 về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt .
- Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)
- Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

- Hàng tồn kho nhập khẩu trong kỳ được ghi nhận tăng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Phần thuế nhập khẩu phải nộp được xác định theo tỷ giá tính thuế nhập khẩu của cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật.
- Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ:

Tập đoàn quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

➤ **TSCĐ hữu hình:**

- Giá trị tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

- Chi phí phát triển đàn bò được vốn hóa cho đến khi chúng trưởng thành và chuyển sang thành tài sản cố định để trích khấu hao.

➤ **TSCĐ vô hình:**

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...
- Quyền sử dụng đất gồm có:
 - + Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
 - + Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp
 - + Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
 - Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.
 - Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. **Phương pháp khấu hao:**

- TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau:

| Nhóm loại | Thời gian (năm) |
|--|-----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 50 |
| Máy móc, thiết bị | 8 - 15 |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 10 |
| Gia súc | 6 |

- TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.
- TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 6 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

8. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.
- Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được Bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.
- Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.
- Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tập đoàn không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.
- Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.
- Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - + Theo thời gian hữu dụng xác định: Phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà, thuê đất trả trước.
 - + Theo thời gian hữu dụng quy ước: Phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

- Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.
- Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh theo nguyên tắc:
 - + Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
 - + Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:
 - Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
 - Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
 - Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...
- Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

- Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.
- Tập đoàn theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.
- Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Tập đoàn ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:
 - + Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu).
 - + Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
 - + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
 - + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

- Giá trị của khoản dự phòng phải trả được ghi nhận trên các ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ cuối kỳ kế toán.
- Tập đoàn ghi nhận các khoản dự phòng phải trả theo các nội dung chính sau:
 - + Dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành
 - + Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật)
 - + Dự phòng phải trả khác

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

- Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tập đoàn chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

- Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
 - + Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Hiện tại Tập đoàn chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.
 - + Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.
- Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.
- Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty
- Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:
 - + Quỹ đầu tư phát triển trích 10% lợi nhuận sau thuế.
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 10% lợi nhuận sau thuế.
- Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc vào bản chất và qui mô của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ và Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

- Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.
 - + Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:
 - + Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng
 - + Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
 - + Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tập đoàn ghi nhận theo nguyên tắc:
 - + Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
 - + Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

- Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.
- Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

+ C

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các Kỳ trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 22% trên thu nhập chịu thuế, tùy ngành nghề kinh doanh của các nhà máy sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

22. Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

e. Tài sản tài chính

➤ **Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp loại tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

➤ **Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

➤ **Tài sản sẵn sàng để bán**

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

f. Nợ phải trả tài chính

➤ **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - Được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

23. Hợp nhất báo cáo

➤ **Công ty con**

- Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.
- Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

➤ **Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

- Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông không kiểm soát sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

➤ **Công ty liên kết**

- Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.
- Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.

- Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện của các nghiệp vụ nội bộ giữa Tập đoàn với công ty liên kết sẽ được giảm trừ vào lãi đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán của công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách mà Tập đoàn áp dụng.

V. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH:

Các nhân tố rủi ro tài chính :

- Tập đoàn đánh giá những rủi ro sau từ việc sử dụng các công cụ tài chính:
 - Rủi ro thị trường
 - Rủi ro thanh khoản
 - Rủi ro tín dụng
- Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

1. Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro mà Tập đoàn có thể gặp phải trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hoá lợi nhuận.

a. Rủi ro tiền tệ

- Tập đoàn phải chịu rủi ro tỷ giá ngoại hối trong các giao dịch mua bán sử dụng đơn vị tiền tệ khác đồng Việt Nam. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này chủ yếu là USD và EUR (các loại tiền tệ khác có giao dịch không trọng yếu).
- Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách mua bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay trong trường hợp cần thiết để giải quyết tình trạng mất cân đối trong ngắn hạn đồng thời lập kế hoạch thanh toán bằng ngoại tệ với mức độ chính xác cao nhất có thể. Trong năm, Ban Điều hành có quyết định sử dụng công cụ tài chính mua kỳ hạn USD để thanh toán nợ vay USD khi đến hạn, nhằm phòng ngừa rủi ro biến động về tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

- Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD và EUR là như sau :

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

| | Tiền gốc ngoại tệ | | VND tương đương | |
|---|------------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------|
| | USD | EUR | USD | EUR |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng | 3.728.516,92 | 12.512,49 | 81.207.098.518 | 302.827.283 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 22.961.051,55 | - | 500.091.702.759 | - |
| | <u>26.689.568,47</u> | <u>12.512,49</u> | <u>581.298.801.277</u> | <u>302.827.283</u> |
| Nợ tài chính | | | | |
| Phải trả người bán và các khoản nợ khác | (18.798.800,82) | (3.443.527,83) | (410.565.809.909) | (84.197.698.971) |
| Các khoản vay | - | - | - | - |
| | <u>(18.798.800,82)</u> | <u>(3.443.527,83)</u> | <u>(410.565.809.909)</u> | <u>(84.197.698.971)</u> |
| Mức độ rủi ro tiền tệ | 7.890.767,65 | (3.431.015,34) | 170.732.991.368 | (83.894.871.688) |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

| | Tiền gốc ngoại tệ | | VND tương đương | |
|--|----------------------|---------------------|------------------------|-------------------------|
| | USD | EUR | USD | EUR |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng | 3.735.729,63 | 20.792,29 | 79.795.184.896 | 537.979.711 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác (*) | 25.695.472,05 | - | 548.849.356.471 | - |
| | <u>29.431.201,68</u> | <u>20.792,29</u> | <u>628.644.541.367</u> | <u>537.979.711</u> |
| Nợ tài chính | | | | |
| Phải trả người bán và các khoản nợ khác (**) | (20.657.876,84) | (523.390,79) | (441.252.249.302) | (13.542.213.300) |
| Mức độ rủi ro tiền tệ | 8.773.324,84 | (502.598,50) | 187.392.292.065 | (13.004.233.589) |

Các tỷ giá quan trọng được áp dụng trong kỳ như sau:

| | 30/6/2015 | | 31/12/2014 |
|-----|----------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | | VND |
| USD | Tỷ giá bán 21.840 | Tỷ giá mua 21.780 | Tỷ giá mua 21.360 |
| EUR | 24.451 | 24.202 | 25.874 |

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nếu đồng Việt Nam yếu đi/mạnh lên 2% so với đô la Mỹ trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ cao/thấp hơn một khoản là 2.663.434.665 VND, chủ yếu do lãi/lỗ ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đồng USD.
- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nếu đồng VND yếu đi/mạnh lên 6% so với đồng EUR trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn một khoản là 3.926.279.995 VND, chủ yếu do lãi/lỗ ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đồng EUR.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

b. Rủi ro giá cả

- Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong các năm vừa qua.
- Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá các chứng khoán tăng / giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sẽ cao/thấp hơn 7.347.809.118 VND tương ứng với xu hướng thay đổi của giá.

c. Rủi ro lãi suất

Các thay đổi lãi suất sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

2. **Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là rủi ro xảy ra tổn thất tài chính đối với Tập đoàn nếu một khách hàng hay bên đối tác của một công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu của Tập đoàn.

- Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng:

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

| | 30/6/2015 | 31/12/2014 |
|---|----------------------------------|----------------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.852.665.271.896 | 1.526.525.470.187 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 7.653.224.000.000 | 7.249.996.000.000 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 2.775.981.269.294 | 2.374.699.079.174 |
| | <u>12.281.870.541.190</u> | <u>11.151.220.549.361</u> |

- Tiền và các khoản tương đương tiền và Tiền gửi có kỳ hạn:

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có uy tín. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn bao gồm trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn. Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được giữ chủ yếu bởi các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.
- Rủi ro tín dụng đầu tư vào trái phiếu của Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi các nhân tố riêng của bên phát hành. Trong việc kiểm soát rủi ro đối với khoản mục này, Ban Điều hành của Tập đoàn đã phân tích mức độ tín nhiệm của bên phát hành trước khi mua. Ban Điều hành nhận thấy rằng bên phát hành có khả năng tài chính tốt và tin rằng rủi ro tín dụng của các công cụ nợ này là thấp.
- Trong kỳ, không có dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

- Phải thu khách hàng và phải thu khác

- Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.
- Ban Điều hành đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới được đánh giá về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn với điều kiện trả tiền trước.
- Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

a. Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị:

- Tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không giảm giá chủ yếu là từ các Công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị của Tập đoàn lên đến 2.650.133.244.476 VND (tại 31/12/2014: 2.264.782.864.351 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

b. Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị:

- Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu.
- Các khoản phải thu quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị bao gồm như sau:

| | 30/6/2015 | 31/12/2014 |
|------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Quá hạn 1 đến 30 ngày | 95.134.562.838 | 78.962.614.586 |
| Quá hạn 31 đến 60 ngày | 8.663.426.015 | 14.533.446.986 |
| Quá hạn 61 đến 90 ngày | 9.731.776.501 | 6.495.649.478 |
| Quá hạn hơn 90 ngày | 4.217.095.121 | 1.461.719.054 |
| | <u>117.746.860.475</u> | <u>101.453.430.104</u> |

- Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được đánh giá là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng suy giảm giá trị có liên quan như sau:

| | 30/6/2015 | 31/12/2014 |
|---------------------------------|------------------|-----------------------------|
| Tổng gộp | 7.774.300.847 | 6.985.315.482 |
| Trừ : Dự phòng suy giảm giá trị | (7.774.300.847) | (5.917.834.434) |
| | <u>-</u> | <u>1.067.481.048</u> |

| | 30/6/2015 | 31/12/2014 |
|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Giá trị đầu kỳ | 5.917.834.434 | 7.387.087.909 |
| Dự phòng tăng | 2.412.002.648 | 2.619.847.532 |
| Xóa sổ nợ phải thu khó đòi | (629.215.591) | (4.145.965.258) |
| CLTG quy đổi BCTC nước ngoài | 73.679.356 | 56.864.251 |
| Giá trị cuối kỳ | <u>7.774.300.847</u> | <u>5.917.834.434</u> |

3. Rủi ro thanh khoản:

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

- Bảng sau phân tích các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được của Tập đoàn theo thời hạn đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền không chiết khấu theo hợp đồng.

| | Giá trị ghi sổ | Dòng tiền theo hợp đồng | Dưới 1 năm | Từ 1 đến 2 năm | Từ 2 đến 5 năm | Trên 5 năm |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|------------------------|------------|
| Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 | | | | | | |
| - Phải trả người bán | 1.654.335.599.073 | 1.654.335.599.073 | 1.654.335.599.073 | - | - | - |
| - Phải trả người lao động | 122.357.599.442 | 122.357.599.442 | 122.357.599.442 | - | - | - |
| - Chi phí phải trả | 1.167.002.326.130 | 1.167.002.326.130 | 1.167.002.326.130 | - | - | - |
| - Phải trả ngắn hạn khác | 622.026.720.944 | 622.026.720.945 | 622.026.720.945 | - | - | - |
| - Phải trả dài hạn khác | 6.980.301.574 | 6.980.301.574 | - | 6.980.301.574 | - | - |
| - Vay và nợ ngắn hạn | 872.896.438.045 | 877.344.587.698 | 877.344.587.698 | - | - | - |
| - Vay và nợ dài hạn | 338.754.261.458 | 379.414.213.022 | 43.898.701.842 | 80.404.747.902 | 255.110.763.278 | - |
| | 4.784.353.246.666 | 4.829.461.347.884 | 4.486.965.535.130 | 87.385.049.476 | 255.110.763.278 | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 | | | | | | |
| - Phải trả người bán | 1.898.529.392.924 | 1.898.529.392.924 | 1.898.529.392.924 | - | - | - |
| - Phải trả người lao động | 163.476.907.176 | 163.476.907.176 | 163.476.907.176 | - | - | - |
| - Chi phí phải trả | 632.991.337.019 | 632.991.337.019 | 632.991.337.019 | - | - | - |
| - Phải trả ngắn hạn khác | 598.428.618.781 | 598.428.618.780 | 598.428.618.780 | - | - | - |
| - Phải trả dài hạn khác | 8.192.561.774 | 8.192.561.774 | - | 8.192.561.774 | - | - |
| - Vay và nợ ngắn hạn | 1.279.525.014.840 | 1.302.655.532.729 | 1.302.655.532.729 | - | - | - |
| - Vay và nợ dài hạn | 346.383.586.552 | 391.252.736.516 | 49.911.587.702 | 48.205.580.041 | 293.135.568.773 | - |
| | 4.927.527.419.066 | 4.995.527.086.918 | 4.645.993.376.330 | 56.398.141.815 | 293.135.568.773 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

4. Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

| | Thuyết minh | 30/6/2015 | | 31/12/2014 | |
|--|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý |
| Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: | | | | | |
| - Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết năm giữ để kinh doanh | (ii) | - | - | - | - |
| Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: | | | | | |
| - Trái phiếu | (v) | 300.000.000.000 | Thuyết minh (v) | 300.000.000.000 | Thuyết minh (v) |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | (i) | 7.653.224.000.000 | 7.653.224.000.000 | 7.249.996.000.000 | 7.249.996.000.000 |
| Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu: | | | | | |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | (i) | 1.852.665.271.896 | 1.852.665.271.896 | 1.526.525.470.187 | 1.526.525.470.187 |
| - Cho vay | (i) | 8.101.164.343 | 8.101.164.343 | 7.395.303.671 | 7.395.303.671 |
| - Phải thu khách hàng và phải thu khác | (i) | 2.775.981.269.294 | 2.775.981.269.294 | 2.374.699.079.174 | 2.374.699.079.174 |
| Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán: | | | | | |
| - Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết sẵn sàng để bán | (ii) | 151.146.888.506 | 94.202.759.000 | 179.237.503.400 | 109.567.833.000 |
| - Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết sẵn sàng để bán | (iii) | 82.533.803.026 | 12.995.150.626 | 82.533.803.026 | 12.995.150.626 |
| - Đầu tư ngắn hạn khác | (v) | 442.000.000.000 | Thuyết minh (v) | 442.000.000.000 | Thuyết minh (v) |
| - Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết sẵn sàng để bán | (ii) | 1.051.836.786 | 1.051.836.786 | 1.042.498.296 | 1.042.498.296 |
| - Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư | (iv) | 10.559.408.600 | 5.691.554.602 | 10.559.408.600 | 5.702.117.999 |
| - Đầu tư dài hạn khác | (v) | 15.162.626.752 | Thuyết minh (v) | 21.813.262.063 | Thuyết minh (v) |
| Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: | | | | | |
| - Phải trả người bán và phải trả khác | (i) | 4.784.353.246.666 | 4.784.353.246.666 | 4.927.527.419.066 | 4.927.527.419.066 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

i. Tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính gần bằng với giá trị hợp lý của chúng do các công cụ này có thời gian đáo hạn ngắn.

ii. Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết

Giá trị thị trường của công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên giá đóng cửa của ngày giao dịch chính thức cuối cùng của kỳ/năm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

iii. Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn chưa niêm yết dựa trên giá giao dịch bình quân do 03 (ba) công ty chứng khoán cung cấp.

iv. Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư

Giá trị thị trường của các quỹ đầu tư dựa trên giá trị tài sản thuần của danh mục quỹ được xác nhận bởi công ty chứng khoán và ngân hàng giám sát được bổ nhiệm.

v. Trái phiếu doanh nghiệp ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn khác, trái phiếu doanh nghiệp dài hạn và đầu tư dài hạn khác

Tập đoàn không xác định được giá trị hợp lý của các tài sản và nợ tài chính nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ :**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| - Tiền mặt | 1.556.432.274 | 1.349.958.029 |
| - Tiền gửi ngân hàng | 561.895.861.744 | 991.980.639.406 |
| - Tiền đang chuyển | 5.410.152 | 3.197.165 |
| - Các khoản tương đương tiền | 1.290.764.000.000 | 534.541.633.616 |
| • Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống | 1.290.764.000.000 | 534.541.633.616 |
| • Cổ phiếu | - | - |
| • Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu | - | - |
| Cộng | <u>1.854.221.704.170</u> | <u>1.527.875.428.216</u> |

2. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Phải thu của khách hàng ngắn hạn | | |
| - Abdulkarim Alwan Foodstuff Trading (Llc) | 473.078.000.340 | 348.172.272.000 |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 1.889.052.859.489 | 1.640.442.090.323 |
| Cộng | <u>2.362.130.859.829</u> | <u>1.988.614.362.323</u> |

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

Công ty liên doanh, liên kết

| | | |
|---|-----------------|-----------------------------|
| Cty CP Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn | - | 1.008.001.984 |
| Cộng | <u>-</u> | <u>1.008.001.984</u> |

3. Các khoản phải thu khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| a. Ngắn hạn | 398.815.839.943 | (3.511.598.202) | 370.036.643.588 | (2.467.402.058) |
| - Phải thu lãi tiền gửi | 285.190.101.275 | - | 119.054.965.555 | - |
| - Phải thu lãi trái phiếu, cho vay | 441.095.888 | - | 11.682.191.784 | - |
| - Phải thu người lao động | 3.292.272.719 | - | 2.595.249.425 | - |
| - Ký cược, ký quỹ | 4.100.525.057 | - | 3.440.371.602 | - |
| - Thuế NK còn được hoàn | 47.938.561.443 | - | 71.950.068.975 | - |
| - Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp | - | - | 133.509.529.151 | - |
| - Các khoản chi hộ | 44.039.704.997 | - | - | - |
| - Phải thu khác | 13.813.578.564 | (3.511.598.202) | 27.804.267.096 | (2.467.402.058) |
| b. Dài hạn | 14.707.706.026 | - | 14.570.604.026 | - |
| - Ký cược, ký quỹ | 7.460.021.200 | - | 7.322.919.200 | - |
| - Phải thu khác | 7.247.684.826 | - | 7.247.684.826 | - |
| Cộng | <u>413.523.545.969</u> | <u>(3.511.598.202)</u> | <u>384.607.247.614</u> | <u>(2.467.402.058)</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

4. Tài sản thiếu chờ xử lý

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------|------------|----------------------|------------|----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Hàng tồn kho | - | 1.041.373.804 | - | 3.751.179.217 |
| Cộng | - | 1.041.373.804 | - | 3.751.179.217 |

5. Nợ xấu

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | 3.568.214.551 | - | 3.572.214.552 | - |
| Cộng | 3.568.214.551 | - | 3.572.214.552 | - |

Trong đó:

| | Quá hạn 1 đến 30 ngày | Quá hạn 31 đến 60 ngày | Quá hạn 61 đến 90 ngày | Quá hạn hơn 90 ngày |
|--------------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------|
| - Công ty TNHH Cảng Phước Long | - | - | - | 3.470.244.813 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

6. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|---|------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| - Tổng giá trị cổ phiếu | 234.733.617.318 | 108.250.835.412 | (126.482.836.506) | 262.814.872.722 | 123.606.549.922 | (139.208.371.400) |
| trong đó chủ yếu : | | | | | | |
| + NH TMCP An Bình (ABB) | 82.283.660.000 | 12.745.007.600 | (69.538.652.400) | 82.283.660.000 | 12.745.007.600 | (69.538.652.400) |
| + Công ty cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (SBT) | 150.569.980.000 | 93.764.033.000 | (56.805.947.000) | 150.569.980.000 | 88.288.761.000 | (62.281.219.000) |
| + Cổ phiếu khác | 1.879.977.318 | 1.741.794.812 | (138.237.106) | 29.961.232.722 | 22.572.781.322 | (7.388.500.000) |
| - Tổng giá trị trái phiếu | | | | - | - | - |
| - Các khoản đầu tư khác | 442.000.000.000 | 442.000.000.000 | - | 442.000.000.000 | 442.000.000.000 | - |
| + NH TMCP Bảo Việt | 442.000.000.000 | 442.000.000.000 | - | 442.000.000.000 | 442.000.000.000 | - |
| Cộng | 676.733.617.318 | 550.250.835.412 | (126.482.836.506) | 704.814.872.722 | 565.606.549.922 | (139.208.371.400) |

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau :

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------|--------------------------|--------------------------|
| - Số đầu năm | (139.208.371.400) | (145.974.953.400) |
| - Trích lập dự phòng | - | (3.819.781.000) |
| - Hoàn nhập dự phòng | 8.715.955.000 | 3.849.250.000 |
| - Sử dụng dự phòng | 4.009.579.894 | - |
| Số cuối kỳ | (126.482.836.506) | (145.945.484.400) |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Tỷ lệ | | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|---|-------------|------------------|------------------------|--------------------|------------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| | Vốn nắm giữ | Quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty liên kết | | | 336.761.486.409 | - | - | 317.972.437.657 | - | - |
| - Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn | 15,00% | 15,00% | 46.665.879.799 | - | - | 39.474.706.280 | - | - |
| - Công ty TNHH MIRAKA | 19,29% | 19,29% | 290.095.606.610 | - | - | 278.497.731.377 | - | - |
| Đầu tư vào đơn vị khác | | | 25.722.035.352 | - | (4.867.853.998) | 32.372.670.663 | - | (4.857.290.601) |
| - Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2) | | | 10.559.408.600 | - | (4.867.853.998) | 10.559.408.600 | - | (4.857.290.601) |
| - Nhà thuốc Phòng khám An Khang | | | 300.000.000 | - | - | 300.000.000 | - | - |
| - Vườn cây cao su | | | 14.078.546.752 | - | - | 20.744.302.063 | - | - |
| - Khác | | | 784.080.000 | - | - | 768.960.000 | - | - |
| Cộng | | | 362.483.521.761 | - | (4.867.853.998) | 350.345.108.320 | - | (4.857.290.601) |

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này

Tình hình biến động Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------|------------------------|-------------------------|
| - Số đầu năm | (4.857.290.601) | (10.248.632.262) |
| - Trích lập dự phòng | (10.563.397) | - |
| - Hoàn nhập dự phòng | - | 210.045.936 |
| - Sử dụng dự phòng | - | - |
| Số cuối kỳ | (4.867.853.998) | (10.038.586.326) |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | 7.306.628.000.000 | 7.306.628.000.000 | 6.903.400.000.000 | 6.903.400.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | 7.306.628.000.000 | 7.306.628.000.000 | 6.903.400.000.000 | 6.903.400.000.000 |
| - Trái phiếu | - | - | - | - |
| - Các khoản đầu tư khác | - | - | - | - |
| Dài hạn | 346.596.000.000 | 346.596.000.000 | 346.596.000.000 | 346.596.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | 46.596.000.000 | 46.596.000.000 | 46.596.000.000 | 46.596.000.000 |
| - Trái phiếu | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| - Các khoản đầu tư khác | - | - | - | - |
| Cộng | 7.653.224.000.000 | 7.653.224.000.000 | 7.249.996.000.000 | 7.249.996.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|--------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Hàng đang đi đường | 662.649.042.326 | - | 484.349.482.529 | - |
| - Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật | 1.955.686.195.645 | (5.570.855.170) | 1.950.145.008.854 | (6.864.301.705) |
| - Công cụ, dụng cụ | 7.864.464.264 | - | 7.965.125.849 | - |
| - Chi phí SXKD dở dang | 59.524.471.173 | - | 44.066.598.480 | - |
| - Thành phẩm | 1.066.450.154.326 | (4.980.091.771) | 1.040.310.901.609 | (6.257.070.138) |
| - Hàng hoá | 34.631.551.364 | - | 39.367.889.991 | (3.000.000) |
| - Hàng gửi đi bán | - | - | 1.743.327.548 | - |
| Cộng | 3.795.398.560.285 | (10.550.946.941) | 3.567.948.334.861 | (13.124.371.843) |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------|-------------------------|-------------------------|
| - Số dư đầu năm | (13.124.371.843) | (10.376.905.544) |
| - Trích lập dự phòng | (4.977.573.463) | (12.388.355.173) |
| - Hoàn nhập dự phòng | 7.045.119.475 | 9.011.003.837 |
| - Sử dụng dự phòng | 505.878.890 | 110.473.414 |
| Số dư cuối kỳ | (10.550.946.941) | (13.643.783.466) |

8. Xây dựng cơ bản dở dang

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Số dư đầu năm | 803.688.210.257 | 537.872.350.628 |
| - Tăng trong kỳ | 524.789.048.170 | 269.910.022.261 |
| - Chuyển sang TSCĐ hữu hình | (370.987.116.494) | (305.969.215.340) |
| - Chuyển sang TSCĐ vô hình | (8.486.562.931) | - |
| - Chuyển sang BĐS Đầu tư | - | - |
| - Chuyển sang Hàng tồn kho | (1.272.883.844) | - |
| - Chuyển sang CP phân bổ dài hạn | (84.043.081.775) | - |
| - Thanh lý | (19.750.391.308) | - |
| - Tăng/ (Giảm) khác | (2.633.884.124) | (2.994.974.595) |
| - Chênh lệch do quy đổi | 2.487.179.800 | 259.182.584 |
| Số dư cuối kỳ | 843.790.517.752 | 499.077.365.539 |

Trong đó có giá trị các công trình lớn đang được thực hiện như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------|-----------------|
| Máy móc thiết bị - NMS Lam Sơn | 121.140.045.326 | - |
| Dự án trang trại Bò sữa Tây Ninh | 163.912.382.746 | 184.576.312.981 |
| Công trình trang trại Bò sữa Thanh Hóa 2 | 106.229.709.926 | 21.511.925.397 |
| Dự án nhà máy sữa Angkor | 203.066.278.015 | 9.653.507.535 |
| Các dự án khác | 249.442.101.739 | 283.335.619.626 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị dụng cụ quản lý | Gia súc | Tài sản cố định khác | Tổng cộng |
|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------|
| I. Nguyên giá | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.296.128.990.261 | 7.992.774.970.718 | 674.101.116.647 | 448.105.106.689 | 307.446.353.636 | 64.092.546.411 | 11.782.649.084.362 |
| Mua sắm mới | 4.934.877.274 | 20.306.919.041 | 18.272.556.888 | 5.402.137.686 | - | 2.891.873.832 | 51.808.364.721 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 212.944.327.069 | 142.282.708.089 | 8.386.280.689 | 7.373.800.647 | - | - | 370.987.116.494 |
| Súc vật nuôi chuyển đàn | - | - | - | - | 178.933.323.837 | - | 178.933.323.837 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | - | - | - | - | - | - | - |
| Tăng khác | - | 39.914.743.469 | - | 135.095.679 | - | 5.138.694.043 | 45.188.533.191 |
| Chuyển sang BĐS đầu tư | - | - | - | - | - | - | - |
| Phân loại lại | (1.094.593.876) | 1.102.261.978 | 287.777.159 | (295.445.261) | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | (160.294.733) | (11.728.214.703) | (7.283.385.864) | (860.345.294) | (34.342.363.520) | - | (54.374.604.114) |
| Giảm khác | (3.316.231.355) | - | - | - | - | - | (3.316.231.355) |
| CLTG quy đổi BCTC nước ngoài | 1.268.185.664 | 7.837.343.219 | 1.258.702.371 | 284.790.449 | - | 1.217.772.773 | 11.866.794.476 |
| Số dư cuối kỳ | 2.510.705.260.304 | 8.192.490.731.811 | 695.023.047.890 | 460.145.140.595 | 452.037.313.953 | 73.340.887.059 | 12.383.742.381.612 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 470.791.821.035 | 3.110.236.122.273 | 254.352.012.607 | 243.574.378.357 | 105.115.177.397 | 50.390.792.555 | 4.234.460.304.224 |
| Khấu hao | 57.460.470.278 | 369.208.497.093 | 32.822.847.162 | 30.753.600.740 | 33.144.155.849 | 3.481.291.222 | 526.870.862.344 |
| Tăng khác | - | 34.947.656.384 | - | 76.586.798 | - | - | 35.024.243.182 |
| Chuyển sang BĐS đầu tư | - | - | - | - | - | - | - |
| Phân loại lại | (314.762.057) | 3.085.378.316 | (2.570.871.695) | (199.744.564) | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | (72.987.770) | (11.170.747.451) | (5.118.064.911) | (860.345.294) | (14.329.800.417) | - | (31.551.945.843) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | - | - |
| CLTG quy đổi BCTC nước ngoài | 682.085.348 | 5.403.883.064 | 493.902.166 | 235.874.950 | - | 1.013.783.968 | 7.829.529.496 |
| Số dư cuối kỳ | 528.546.626.834 | 3.511.710.789.679 | 279.979.825.329 | 273.580.350.988 | 123.929.532.829 | 54.885.867.744 | 4.772.632.993.403 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 1.825.337.169.226 | 4.882.538.848.445 | 419.749.104.040 | 204.530.728.332 | 202.331.176.239 | 13.701.753.856 | 7.548.188.780.138 |
| Tại ngày cuối kỳ | 1.982.158.633.470 | 4.680.779.942.132 | 415.043.222.561 | 186.564.789.607 | 328.107.781.124 | 18.455.019.315 | 7.611.109.388.209 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Bản quyền, bằng sáng chế | Phần mềm máy vi tính | Tài sản cố định khác | Cộng |
|------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| +Số đầu năm | 544.949.520.678 | - | 100.195.019.379 | 46.351.200.000 | 691.495.740.057 |
| +Tăng trong năm | | | | | |
| -Mua sắm mới | 64.695.000 | - | 281.884.200 | - | 346.579.200 |
| -Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | - | 8.486.562.931 | - | 8.486.562.931 |
| -Tăng khác | - | - | - | - | - |
| +Giảm trong năm | | | | | |
| -Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - |
| -Chuyển sang BĐS Đầu tư | - | - | - | - | - |
| -Giảm khác | (182.004.798.683) | - | - | - | (182.004.798.683) |
| -CLTG quy đổi BCTC nước ngoài | 4.194.282.422 | - | - | 911.400.000 | 5.105.682.422 |
| + Số cuối kỳ | 367.203.699.417 | - | 108.963.466.510 | 47.262.600.000 | 523.429.765.927 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| +Số đầu năm | 62.163.807.772 | - | 63.336.171.579 | 27.788.728.385 | 153.288.707.736 |
| +Tăng trong năm | | | | | |
| -Khấu hao | 2.471.163.857 | - | 4.885.470.696 | 1.149.521.462 | 8.506.156.015 |
| -Tăng khác | - | - | - | - | - |
| +Giảm trong năm | | | | | |
| -Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - |
| -Giảm khác | (39.187.802.703) | - | - | - | (39.187.802.703) |
| -CLTG quy đổi BCTC nước ngoài | 7.022.275 | - | - | 557.868.147 | 564.890.422 |
| + Số cuối kỳ | 25.454.191.201 | - | 68.221.642.275 | 29.496.117.994 | 123.171.951.470 |
| +Giá trị còn lại | | | | | |
| -Số đầu năm | 482.785.712.906 | - | 36.858.847.800 | 18.562.471.615 | 538.207.032.321 |
| + Số cuối kỳ | 341.749.508.216 | - | 40.741.824.235 | 17.766.482.006 | 400.257.814.457 |

11. Bất động sản đầu tư :

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối kỳ |
|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Bất động sản đầu tư cho thuê | | | | |
| Nguyên giá | 179.594.679.077 | 83.371.480 | - | 179.678.050.557 |
| - Quyền sử dụng đất | 85.629.776.889 | - | - | 85.629.776.889 |
| - Nhà | 87.500.683.627 | 83.371.480 | - | 87.584.055.107 |
| - Cơ sở hạ tầng | 6.464.218.561 | - | - | 6.464.218.561 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 31.868.810.462 | 2.725.564.572 | - | 34.594.375.034 |
| - Quyền sử dụng đất | 1.250.516.209 | 680.525.106 | - | 1.931.041.315 |
| - Nhà | 27.319.732.359 | 1.721.828.544 | - | 29.041.560.903 |
| - Cơ sở hạ tầng | 3.298.561.894 | 323.210.922 | - | 3.621.772.816 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng trong năm</u> | <u>Giảm trong năm</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Giá trị còn lại | 147.725.868.615 | - | - | 145.083.675.523 |
| - Quyền sử dụng đất | 84.379.260.680 | - | - | 83.698.735.574 |
| - Nhà | 60.180.951.268 | - | - | 58.542.494.204 |
| - Cơ sở hạ tầng | 3.165.656.667 | - | - | 2.842.445.745 |

12. Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u> | <u>Chênh lệch do quy đổi</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---|------------------------|------------------------|---|------------------------------|-----------------------|
| - Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng | 3.060.841.120 | 15.016.424.900 | 6.680.471.158 | - | 11.396.794.862 |
| - Chi phí quảng cáo | 1.108.065.215 | 3.805.028.298 | 2.060.226.172 | - | 2.852.867.341 |
| - Chi phí tư vấn | - | - | - | - | - |
| - Chi phí thuê mặt bằng, vị trí | 6.243.320.990 | 6.870.463.537 | 8.748.729.526 | - | 4.365.055.001 |
| - Chi phí vật liệu, CCDC | 10.110.656.365 | 21.099.761.133 | 22.823.516.666 | - | 8.386.900.832 |
| - Chi phí cải tạo, sửa chữa lớn | 4.391.038.491 | 12.572.079.690 | 7.004.929.133 | - | 9.958.189.048 |
| - Chi phí khác | 90.789.317.282 | 174.245.133.552 | 243.818.267.120 | 189.897.893 | 21.406.081.607 |
| Cộng | 115.703.239.463 | 233.608.891.110 | 291.136.139.775 | 189.897.893 | 58.365.888.691 |

b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển giảm khác</u> | <u>Chênh lệch do quy đổi</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|---|-----------------------------|------------------------------|------------------------|
| - Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng | 4.419.837.879 | 215.256.720.963 | 7.189.779.398 | 114.505.958 | 329.109.100 | 212.701.382.586 |
| - Chi phí CCDC | 105.048.416.556 | 59.882.747.520 | 35.270.349.250 | - | - | 129.660.814.826 |
| - Chi phí trả trước dài hạn khác | 74.036.996.398 | 32.752.306.592 | 26.203.232.828 | - | 66.596.228 | 80.652.666.390 |
| Cộng | 183.505.250.834 | 307.891.775.075 | 68.663.361.476 | 114.505.958 | 395.705.328 | 423.014.863.803 |

13. Phải trả người bán

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-----------------------------|-------------------|------------------------------|-------------------|------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 1.654.335.599.073 | 1.654.335.599.073 | 1.898.529.392.924 | 1.898.529.392.924 |

Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan:

Công ty liên doanh, liên kết

| | | | | |
|------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| - Miraka Limited | 30.009.224.700 | 30.009.224.700 | 53.275.711.500 | 53.275.711.500 |
|------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

14. Vay và Nợ thuê tài chính

| | Số cuối kỳ | | Trong năm | | | Số đầu kỳ | |
|---------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Chênh lệch tỷ giá do quy đổi BCTC nước ngoài | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn | 872.896.438.045 | 872.896.438.045 | 1.305.828.423.127 | 1.714.892.233.997 | 2.435.234.076 | 1.279.525.014.840 | 1.279.525.014.840 |
| – Vay ngắn hạn ngân hàng | 851.813.398.045 | 851.813.398.045 | 1.305.828.423.127 | 1.714.892.233.997 | 2.028.674.076 | 1.258.848.534.840 | 1.258.848.534.840 |
| – Vay dài hạn đến hạn trả | 21.083.040.000 | 21.083.040.000 | - | - | 406.560.000 | 20.676.480.000 | 20.676.480.000 |
| Vay dài hạn | 338.754.261.458 | 338.754.261.458 | 185.858.860 | 14.265.481.224 | 6.450.297.270 | 346.383.586.552 | 346.383.586.552 |
| – Vay dài hạn ngân hàng | 328.015.098.180 | 328.015.098.180 | - | 13.142.789.250 | 6.450.297.270 | 334.707.590.160 | 334.707.590.160 |
| – Nợ dài hạn | 10.739.163.278 | 10.739.163.278 | 185.858.860 | 1.122.691.974 | - | 11.675.996.392 | 11.675.996.392 |
| Cộng | 1.211.650.699.503 | 1.211.650.699.503 | 1.306.014.281.987 | 1.729.157.715.221 | 8.885.531.346 | 1.625.908.601.392 | 1.625.908.601.392 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | CLTG do quy đổi BCTC nước ngoài | Số cuối năm |
|--|------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------|------------------------|
| - Thuế GTGT hàng bán nội địa | 97.748.080.575 | 662.185.468.341 | 633.231.463.925 | - | 126.702.084.991 |
| - Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 258.550.733.128 | 254.995.078.480 | - | 3.555.654.648 |
| - Thuế GTGT nhà thầu | - | 2.760.482.636 | 2.760.482.636 | - | - |
| - Thuế xuất, nhập khẩu | 67.059.641 | 107.674.921.281 | 106.016.383.593 | - | 1.725.597.329 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 396.387.038.231 | 873.175.566.641 | 767.514.002.773 | (2.649.513) | 502.045.952.586 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu | - | 4.161.503.913 | 4.161.503.913 | - | - |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 5.935.298.848 | 107.933.799.296 | 104.244.433.776 | 1.546.957 | 9.626.211.325 |
| - Thuế tài nguyên | 37.644.105 | 230.788.890 | 230.678.990 | - | 37.754.005 |
| - Thuế nhà đất | - | 33.245.196 | 33.245.196 | - | - |
| - Tiền thuê đất | - | 1.392.323.958 | 1.369.007.589 | - | 23.316.369 |
| - Các loại thuế khác | 2.467.954.904 | 1.279.463.183 | 1.617.936.640 | 45.152.648 | 2.174.634.095 |
| - Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 3.532.138.006 | 3.532.138.006 | - | - |
| Cộng | 502.643.076.304 | 2.022.910.434.469 | 1.879.706.355.517 | 44.050.092 | 645.891.205.348 |

16. Chi phí phải trả

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------------|------------------------|
| - Khuyến mãi, hỗ trợ, bán hàng | 441.358.669.574 | 372.271.399.616 |
| - Chi phí thuê ụ, kệ, hộp đèn, vị trí trưng bày | 3.878.181.822 | 530.000.015 |
| - Chí phí quảng cáo | 489.102.817.873 | 43.092.205.601 |
| - Chi phí vận chuyển | 78.063.248.967 | 58.016.454.874 |
| - Chi phí bảo trì và sửa chữa | 37.200.788.236 | 15.277.558.615 |
| - Chi phí lãi vay | 3.660.272.384 | 4.839.765.871 |
| - Chi phí nhiên liệu | 15.837.749.080 | 14.714.178.145 |
| - Chi phí nhân công thuê ngoài | 27.833.011.346 | 16.259.721.436 |
| - Chi phí phải trả khác | 70.067.586.848 | 107.990.052.846 |
| Cộng | 1.167.002.326.130 | 632.991.337.019 |

17. Doanh thu chưa thực hiện

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------------|-------------------|
| - Doanh thu nhận trước ngắn hạn | 1.695.863.621 | 17.424.992 |
| Cộng | 1.695.863.621 | 17.424.992 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

18. Các khoản phải trả khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| a. Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 622.026.720.944 | 598.428.618.781 |
| - BHXH, BHYT, BHTN | 2.053.132.288 | 735.850.588 |
| - Kinh phí công đoàn | 650.406.467 | 846.851.689 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 64.474.584.511 | 51.454.636.092 |
| - Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn | 44.273.660.686 | 16.833.321.089 |
| - Phải trả khác về đầu tư tài chính | 448.007.419.155 | 448.007.419.155 |
| - Cổ tức phải trả | - | - |
| - Thuế Nhập khẩu phải trả (SX – Hàng XK) | 52.255.253.208 | 66.891.229.438 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 10.312.264.629 | 13.659.310.730 |
| b. Các khoản phải trả dài hạn khác | 6.980.301.574 | 8.192.561.774 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 3.222.552.218 | 3.534.408.218 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 3.757.749.356 | 4.658.153.556 |
| Cộng | <u>629.007.022.518</u> | <u>606.621.180.555</u> |

19. Dự phòng phải trả

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| a. Dự phòng phải trả ngắn hạn | | |
| - Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ | 7.939.522.975 | 4.122.882.763 |
| b. Dự phòng phải trả dài hạn | | |
| - Dự phòng trợ cấp thôi việc | 87.366.596.750 | 77.333.769.500 |
| Cộng | <u>95.306.119.725</u> | <u>81.456.652.263</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

20. Vốn chủ sở hữu

| Chỉ tiêu | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch tỷ giá | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|-----------------------------------|---------------------------|--------------------------|------------------------|----------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Số dư đầu năm trước | 8.339.557.960.000 | 1.276.994.100.000 | (5.068.507.959) | - | 1.784.193.779.612 | 6.149.811.983.770 | 22.863.933.884 | 17.568.353.249.307 |
| - Tăng vốn năm trước | 1.666.856.030.000 | (1.276.994.100.000) | - | - | - | (389.861.930.000) | 103.941.744.900 | 103.941.744.900 |
| - Mua lại cổ phiếu quỹ | - | - | (319.602.000) | - | - | - | - | (319.602.000) |
| - Lãi trong năm trước | - | - | - | - | - | 6.068.807.696.841 | (604.730.533) | 6.068.202.966.308 |
| - Trích lập các quỹ | - | - | - | - | 737.524.587.332 | (1.337.315.388.325) | - | (599.790.800.993) |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - | - | - | - |
| - Cổ tức | - | - | - | - | - | (3.333.740.644.000) | - | (3.333.740.644.000) |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - | (2.250.341) | (6.943.440.037) | (6.945.690.378) |
| - CLTG do quy đổi BCTC nước ngoài | - | - | - | (161.099.075) | - | - | 696.359.439 | 535.260.364 |
| Số dư đầu năm nay | 10.006.413.990.000 | - | (5.388.109.959) | (161.099.075) | 2.521.718.366.944 | 7.157.699.467.945 | 119.953.867.653 | 19.800.236.483.508 |
| - Tăng vốn trong kỳ | - | - | - | - | - | - | 84.371.993.523 | 84.371.993.523 |
| - Mua lại cổ phiếu quỹ | - | - | - | - | - | - | - | - |
| - Lãi trong kỳ | - | - | - | - | - | 3.742.027.624.993 | 4.382.425.988 | 3.746.410.050.981 |
| - Trích lập các quỹ | - | - | - | - | 366.118.752.986 | (732.237.505.970) | - | (366.118.752.984) |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - | - | 1.833.137.569 | 1.833.137.569 |
| - Cổ tức | - | - | - | - | - | (2.000.237.208.000) | - | (2.000.237.208.000) |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - | - | - | - |
| - CLTG do quy đổi BCTC nước ngoài | - | - | - | 2.980.104.249 | - | - | 2.806.154.578 | 5.786.258.827 |
| Số dư cuối kỳ | 10.006.413.990.000 | - | (5.388.109.959) | 2.819.005.174 | 2.887.837.119.930 | 8.167.252.378.968 | 213.347.579.311 | 21.272.281.963.424 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| - Vốn đầu tư của Nhà nước | 4.507.889.502.495 | 4.507.889.502.495 |
| - Vốn góp của cổ đông khác | 5.498.524.487.505 | 5.498.524.487.505 |
| - Cổ phiếu quỹ | (5.388.109.959) | (5.388.109.959) |
| Cộng | <u>10.001.025.880.041</u> | <u>10.001.025.880.041</u> |

Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức và lợi nhuận

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 10.006.413.990.000 | 8.339.557.960.000 |
| - Vốn góp đầu năm | 10.006.413.990.000 | 8.339.557.960.000 |
| - Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| - Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| - Vốn góp cuối năm | 10.006.413.990.000 | 8.339.557.960.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 1.000.641.399 | 1.000.641.399 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 1.000.641.399 | 1.000.641.399 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.000.641.399 | 1.000.641.399 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | (522.795) | (522.795) |
| - Cổ phiếu phổ thông | (522.795) | (522.795) |
| - Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 1.000.118.604 | 1.000.118.604 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.000.118.604 | 1.000.118.604 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT :

1. Doanh thu

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Tổng doanh thu | 19.291.362.403.738 | 17.011.424.978.482 |
| • <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | 308.710.898.358 | 312.031.529.762 |
| • <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | 18.914.411.978.335 | 16.625.477.524.918 |
| • <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i> | 22.333.691.378 | 18.842.056.976 |
| • <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i> | 6.478.436.759 | 7.627.336.655 |
| • <i>Doanh thu kinh doanh khác</i> | 39.427.398.908 | 47.446.530.171 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | 75.215.852.890 | 53.489.959.353 |
| • <i>Chiết khấu thương mại</i> | 320.049.571 | 325.368.740 |
| • <i>Giảm giá hàng bán</i> | 2.161.380.800 | 13.370.424.369 |
| • <i>Hàng bán bị trả lại</i> | 72.734.422.519 | 39.794.166.244 |
| Doanh thu thuần | 19.216.146.550.848 | 16.957.935.019.129 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| • <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm</i> | 19.187.334.422.711 | 16.931.465.625.498 |
| • <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i> | 28.812.128.137 | 26.469.393.631 |

Trong đó doanh thu với các bên liên quan như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| Công ty liên doanh liên kết | | |
| - Cty CP Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn | 255.727.047 | 331.149.070 |
| Cộng | 255.727.047 | 331.149.070 |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| - Giá vốn của hàng hóa | 132.429.014.171 | 256.403.260.511 |
| - Giá vốn của thành phẩm | 11.561.368.223.384 | 11.342.898.879.070 |
| - Giá vốn của dịch vụ | 2.251.933.329 | 1.814.568.257 |
| - Giá vốn của hoạt động kinh doanh BĐS | 4.327.295.348 | 3.227.024.003 |
| - Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho | 6.230.414.650 | 3.147.479.491 |
| - Chi phí sản xuất dưới công suất | 15.639.254.512 | 15.024.809.983 |
| - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (2.067.546.012) | 3.377.351.336 |
| Cộng | 11.720.178.589.382 | 11.625.893.372.651 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| - Lãi tiền gửi | 271.192.513.484 | 242.851.759.812 |
| - Lãi trái phiếu | 11.882.191.775 | 155.555.556 |
| - Cổ tức | 56.870.978 | 5.145.160.880 |
| - Chênh lệch tỷ giá | 34.500.255.897 | 11.897.674.830 |
| - Khác | 121.060.996 | 147.078.128 |
| Cộng | <u>317.752.893.130</u> | <u>260.197.229.206</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| - Lãi vay ngân hàng, các tổ chức khác | 14.915.150.212 | 23.035.158.155 |
| - Lãi ký quỹ | 1.003.067.830 | 416.150.527 |
| - Phí giao dịch mua bán chứng khoán | 48.155.427 | - |
| - Chênh lệch tỷ giá | 43.384.041.338 | 6.111.685.309 |
| - Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn | (8.715.955.000) | (29.469.000) |
| - Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 10.563.397 | (210.045.936) |
| - Chiết khấu thanh toán | (273.015.418) | 9.550.902.229 |
| - Khác | 47.790.272 | 46.821.544 |
| Cộng | <u>50.419.798.058</u> | <u>38.921.202.828</u> |

5. Thu nhập khác

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| - Thu thanh lý tài sản cố định | 19.341.417.319 | 28.416.095.004 |
| - Thu thanh lý xây dựng cơ bản dở dang | 19.750.391.308 | - |
| - Thu tiền phạt, bồi thường | 9.560.855.463 | 8.278.154.540 |
| - Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp | 25.340.866.170 | 15.160.011.201 |
| - Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ | 248.524.672 | 64.225.159 |
| - Thu nhập từ việc hoàn nhập CP trích trước của năm trước không sử dụng hết | 1.562.685.000 | - |
| - Thu nhập khác | 13.472.626.082 | 22.014.459.652 |
| Cộng | <u>89.277.366.014</u> | <u>73.932.945.556</u> |

6. Chi phí khác

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| - Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý | 22.822.658.271 | 34.582.887.162 |
| - Chi phí thanh lý TSCĐ | - | 68.150.000 |
| - Giá trị hạng mục xây dựng cơ bản dở dang thanh lý | 19.750.391.308 | - |
| - Thuế bị phạt, bị truy thu | 3.629.604.475 | 858.622.863 |
| - Chi phí khác | 3.241.788.893 | 1.480.374.398 |
| Cộng | <u>49.444.442.947</u> | <u>36.990.034.423</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 9.326.743.614.486 | 10.077.722.578.557 |
| - Chi phí nhân công | 879.409.524.377 | 816.890.410.989 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 538.102.582.931 | 509.577.072.102 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 870.313.750.053 | 676.191.144.706 |
| - Chi phí khác | 2.993.286.923.923 | 1.549.640.207.455 |
| Cộng | <u>14.607.856.395.770</u> | <u>13.630.021.413.809</u> |

Trong đó bao gồm :

Chi phí sản xuất :

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 9.293.528.837.526 | 10.038.248.888.912 |
| - Chi phí nhân công | 447.031.400.066 | 434.958.164.290 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 482.113.665.931 | 462.832.226.410 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 332.617.661.924 | 251.277.910.857 |
| - Chi phí khác | 758.192.167.514 | 534.544.583.862 |
| Cộng | <u>11.313.483.732.961</u> | <u>11.721.861.774.331</u> |

Chi phí bán hàng

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - Chi phí cho nhân viên | 262.361.489.824 | 232.386.170.229 |
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 21.665.196.121 | 31.671.994.771 |
| - Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng | 34.794.975.374 | 58.418.020.722 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 17.013.158.783 | 13.570.723.688 |
| - Chi phí bảo hành | 11.753.648.653 | 8.564.573.835 |
| - Chi phí vận chuyển hàng bán | 284.207.897.338 | 231.374.182.693 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài khác | 122.932.317.549 | 91.020.009.744 |
| - Chi phí quảng cáo | 791.142.511.382 | 385.124.342.529 |
| - Chi phí nghiên cứu thị trường | 13.795.384.638 | 4.313.323.370 |
| - Chi phí khuyến mãi | 12.329.603.660 | 8.059.277.906 |
| - Chi phí trưng bày | 212.479.169.539 | 174.778.479.139 |
| - Chi phí hỗ trợ, hoa hồng cho nhà phân phối | 1.053.180.973.373 | 295.048.452.818 |
| Cộng | <u>2.837.656.326.234</u> | <u>1.534.329.551.444</u> |

Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|
| - Chi phí cho nhân viên | 170.016.634.487 | 149.546.076.470 |
| - Chi phí vật liệu quản lý | 9.481.875.589 | 7.801.694.874 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 10.904.908.197 | 6.763.488.747 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 38.975.758.217 | 33.174.122.004 |
| - Thuế, phí, lệ phí | 10.739.613.553 | 3.571.971.351 |
| - Chi phí dự phòng | 13.335.412.131 | 9.946.517.149 |
| - Chi phí vận chuyển hàng nội bộ | 22.576.726.915 | 21.678.049.020 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài khác | 107.446.026.964 | 80.840.992.392 |
| - Chi phí nhập hàng | 11.515.989.159 | 8.008.589.279 |
| - Công tác phí | 13.920.686.955 | 10.609.491.289 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| - Chi phí dịch vụ ngân hàng | 3.805.390.175 | 5.368.587.120 |
| - Chi phí khác bằng tiền | 43.997.314.233 | 36.520.508.339 |
| Cộng | <u>456.716.336.575</u> | <u>373.830.088.034</u> |

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--|---------------------|---------------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.742.027.624.993 | 2.962.817.386.784 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| • <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| • <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| • <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i> | - | - |
| • <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i> | - | - |
| - Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 3.742.027.624.993 | 2.962.817.386.784 |
| - Số trích quỹ Khen thưởng phúc lợi | 366.118.752.985 | 289.577.404.047 |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 1.000.118.604 | 1.000.137.623 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>3.376</u> | <u>2.673</u> |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 1.000.118.604 | 833.467.061 |
| - Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành trong kỳ | - | (19.042) |
| - Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ | - | 166.689.604 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | <u>1.000.118.604</u> | <u>1.000.137.623</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”), sở hữu 45,05% vốn điều lệ của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

a. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Mua hàng hóa và dịch vụ

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty liên kết: | | |
| - Công ty TNHH Miraka | 349.814.106.086 | 229.692.619.200 |
| | 349.814.106.086 | 229.692.619.200 |

ii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|----------------|----------------|
| Lương và các quyền lợi gộp khác của thành viên Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành | 43.744.453.062 | 36.586.082.401 |

iii) Chi trả cổ tức

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-----------------|-------------------|
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước | 901.756.800.000 | 1.052.049.600.000 |

2. Thông tin về bộ phận

| CHỈ TIÊU | Quý II Năm 2015 | | Quý II Năm 2014 | |
|--|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| | Trong nước | Nước ngoài | Trong nước | Nước ngoài |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 8.563.082.872.613 | 1.956.941.023.076 | 7.757.249.277.657 | 1.531.909.689.162 |
| 2. Các khoản giảm trừ | (10.704.713.805) | (9.208.544.604) | (22.660.477.689) | (9.365.819.846) |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (3 = 1 + 2) | 8.552.378.158.808 | 1.947.732.478.472 | 7.734.588.799.968 | 1.522.543.869.316 |
| 4. Giá vốn hàng bán | (4.996.688.806.243) | (1.116.425.846.561) | (5.094.616.091.013) | (1.253.137.893.922) |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (5 = 3 + 4) | 3.555.689.352.566 | 831.306.631.910 | 2.639.972.708.955 | 269.405.975.394 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

| CHỈ TIÊU | 6 tháng đầu năm 2015 | | 6 tháng đầu năm 2014 | |
|--|----------------------|---------------------|----------------------|---------------------|
| | Trong nước | Nước ngoài | Trong nước | Nước ngoài |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 15.435.419.773.378 | 3.855.942.630.360 | 14.065.932.693.781 | 2.945.492.284.701 |
| 2. Các khoản giảm trừ | (55.969.738.850) | (19.246.114.040) | (32.178.669.505) | (21.311.289.848) |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (3 = 1 + 2) | 15.379.450.034.528 | 3.836.696.516.320 | 14.033.754.024.276 | 2.924.180.994.853 |
| 4. Giá vốn hàng bán | (9.384.167.097.916) | (2.336.011.491.466) | (9.271.396.397.109) | (2.354.496.975.542) |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (5 = 3 + 4) | 5.995.282.936.612 | 1.500.685.024.854 | 4.762.357.627.167 | 569.684.019.311 |

3. Thông tin so sánh:

- Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.
- Tập đoàn đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, Tập đoàn đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính hợp nhất cùng kỳ năm 2014 như sau :

+ Bảng cân đối kế toán hợp nhất 31/12/2014 :

| Trình bày theo QĐ15 | | | Trình bày theo TT200 | | |
|---------------------|---|---------------------------|----------------------|---|---------------------------|
| Mã số | Chỉ tiêu | 31/12/2014 | Mã số | Chỉ tiêu | 31/12/2014 |
| | A-TÀI SẢN NGẮN HẠN | 15.522.309.519.016 | | A-TÀI SẢN NGẮN HẠN | 15.457.989.802.876 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 7.467.962.935.026 | 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 7.469.006.501.322 |
| 121 | 1. Đầu tư ngắn hạn | 7.607.171.306.426 | 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | 704.814.872.722 |
| | | - | 123 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 6.903.400.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 2.771.736.892.079 | 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 2.777.099.430.909 |
| 135 | 6. Các khoản phải thu khác | 368.425.283.975 | 136 | 6. Phải thu ngắn hạn khác | 370.036.643.588 |
| | | - | 139 | 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 3.751.179.217 |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 3.620.107.245.454 | 140 | IV. Hàng tồn kho | 3.554.823.963.018 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | 3.633.231.617.297 | 141 | 1. Hàng tồn kho | 3.567.948.334.861 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | 134.627.018.241 | 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | 129.184.479.411 |
| 158 | 5. Tài sản ngắn hạn khác | 5.442.538.830 | 155 | 5. Tài sản ngắn hạn khác | - |
| | B-TÀI SẢN DÀI HẠN | 10.247.828.541.941 | | B-TÀI SẢN DÀI HẠN | 10.312.148.258.081 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | 7.395.303.671 | 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | 21.965.907.697 |
| | | - | 215 | 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 7.395.303.671 |
| 218 | 6. Phải thu dài hạn khác | 7.395.303.671 | 216 | 6. Phải thu dài hạn khác | 14.570.604.026 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

| | | | | | |
|---------------------------|--|---------------------------|---------------------------|---|---------------------------|
| 220 | II. Tài sản cố định | 8.890.084.022.717 | 220 | II. Tài sản cố định | 8.086.395.812.459 |
| 230 | 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 803.688.210.258 | | | |
| | | | 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | 868.971.492.694 |
| | | | 241 | 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 65.283.282.436 |
| | | | 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 803.688.210.258 |
| 250 | IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 700.375.068.841 | 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 692.083.817.719 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 325.220.122.483 | 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 317.972.437.657 |
| 258 | 3. Đầu tư dài hạn khác | 380.012.236.959 | 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 32.372.670.663 |
| | | - | 255 | 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 346.596.000.000 |
| 260 | V. Tài sản dài hạn khác | 341.541.338.443 | 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | 334.298.419.243 |
| 268 | 3. Tài sản dài hạn khác | 7.242.919.200 | 268 | 4. Tài sản dài hạn khác | - |
| A – NỢ PHẢI TRẢ | | | A – NỢ PHẢI TRẢ | | |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | 5.453.262.931.031 | 310 | I. Nợ ngắn hạn | 5.453.280.356.023 |
| 316 | 6. Chi phí phải trả | 637.114.219.782 | 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 632.991.337.019 |
| | | | 318 | 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 17.424.992 |
| 320 | 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | - | 321 | 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 4.122.882.763 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | 516.638.646.418 | 330 | II. Nợ dài hạn | 516.621.221.426 |
| 336 | 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 77.333.769.500 | | | |
| 337 | 7. Dự phòng phải trả dài hạn | - | 342 | 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 77.333.769.500 |
| 338 | 8. Doanh thu chưa thực hiện | 17.424.992 | | | |
| B – VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | B – VỐN CHỦ SỞ HỮU | | |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 19.680.282.615.855 | 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 19.800.236.483.508 |
| 417 | 7. Quỹ đầu tư phát triển | 1.550.028.784.604 | 418 | 8. Quỹ đầu tư phát triển | 2.521.718.366.944 |
| 418 | 8. Quỹ dự phòng tài chính | 971.689.582.340 | | | |
| | | | 429 | 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 119.953.867.653 |
| | C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 119.953.867.653 | | | |

+ Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất quý II/2014 :

| Chỉ tiêu | Mã số | Quý II năm 2014 | |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| | | Theo QĐ 15 | Theo TT200 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | 9,439,872,135,375 | 9,289,158,966,819 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 3 | (207,529,993,653) | (32,026,297,535) |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 9,232,342,141,722 | 9,257,132,669,284 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | (6,067,063,430,918) | (6,347,753,984,935) |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 3,165,278,710,804 | 2,909,378,684,349 |
| 8. Lãi/ (lỗ) trong Liên doanh liên kết | 24 | - | 20,342,364,897 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

| | | | |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | (1,158,497,483,244) | (877,806,929,227) |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 1,906,200,955,861 | 1,951,333,848,320 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 75,057,403,348 | 50,266,875,786 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | 43,427,019,520 | 18,636,491,958 |
| Lãi/ (lỗ) trong Liên doanh liên kết | | 20,342,364,897 | |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 1,969,970,340,278 | 1,969,970,340,278 |

+ Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 :

| Chỉ tiêu | Mã số | 6 tháng đầu năm 2014 | |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| | | Theo QĐ 15 | Theo TT200 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | 17.283.850.105.014 | 17.011.424.978.482 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 3 | (373.361.616.056) | (53.489.959.353) |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 16.910.488.488.958 | 16.957.935.019.129 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | (11.180.704.589.966) | (11.625.893.372.651) |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 5.729.783.898.992 | 5.332.041.646.478 |
| 8.Lãi/ (lỗ) trong Liên doanh liên kết | 24 | | 31.224.812.106 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | (1.979.518.334.129) | (1.534.329.551.444) |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 3.628.936.315.313 | 3.676.382.845.484 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 121.379.475.727 | 73.932.945.556 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | 84.389.441.304 | 36.942.911.133 |
| Lãi/ (lỗ) trong Liên doanh liên kết | | 31.224.812.106 | |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 3.713.325.756.617 | 3.713.325.756.617 |

Ngày lập: 20 tháng 7 năm 2015.

| | | | |
|---|---|--|---|
| Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc điều hành Tài chính | Giám đốc |
|  |  |  |  |
| Nguyễn Đức Diệu Thơ | Lê Thành Liêm | Ngô Thị Thu Trang | Mai Kiều Liên |

